

Số: 02/2024/QĐST-DS

Bảo Lộc, ngày 23 tháng 8 năm 2024

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 15 tháng 8 năm 2024 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 04/2024/TLST-KDTM ngày 02 tháng 07 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH

1/ Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B)**

Địa chỉ: **Số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo pháp luật: Ông **Phan Đức T**, sinh năm 1964;

Địa chỉ: **Số A đường T, quận H, thành phố Hà Nội.**

Người đại diện theo ủy quyền: Ông **Đỗ Văn Quốc D**; chức vụ: Giám đốc – **Chi nhánh B1**;

Địa chỉ: **Số E đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.** (Văn bản ủy quyền số 963/QĐ-BIDV ngày 25/10/2021).

Người đại diện theo ủy quyền lại tham gia tố tụng: Ông **Phan Thế H**, sinh năm 1973;

Địa chỉ: **Số E đường L, Phường A, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.** (Văn bản ủy quyền số 194/QĐ-BIDV ngày 28/5/2024).

Bị đơn: **Công ty TNHH H1**

Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.**

Người đại diện theo pháp luật: Bà **Trần Thị T1**, chức vụ: Giám đốc.

Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.**

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông **Trần Đình D1**, sinh năm 1965 và bà **Trần Thị T1**, sinh năm 1972.

Địa chỉ: **Thôn B, xã Đ, thành phố B, tỉnh Lâm Đồng.**

2/ Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Công ty TNHH H1 có trách nhiệm trả cho **Ngân hàng TMCP Đ (B)** số tiền là 15.391.373.453đ (mười lăm tỷ ba trăm chín mươi một triệu ba trăm bảy mươi ba nghìn bốn trăm năm mươi ba đồng), trong đó có tiền vay gốc là 15.000.000.000đ, tiền lãi là 391.373.453đ.

Kể từ ngày 16/8/2024 cho đến khi thi hành án xong nếu bên phải thi hành án chậm thực hiện nghĩa vụ trả số tiền nợ gốc còn phải thi hành án thì phải trả số tiền lãi tương ứng với thời gian và số tiền chậm trả, theo mức lãi suất thỏa thuận theo các hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.14/2023/19581267/HĐTD ngày 15/12/2023, hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.15/2023/19581267/HĐTD ngày 04/01/2024, hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.16/2023/19581267/HĐTD ngày 04/01/2024, hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.17/2023/19581267/HĐTD ngày 09/01/2024, hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.18/2023/19581267/HĐTD ngày 16/01/2024, hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.19/2023/19581267/HĐTD ngày 22/02/2024, hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.20/2023/19581267/HĐTD ngày 26/02/2024, hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.21/2023/19581267/HĐTD ngày 29/02/2024, hợp đồng tín dụng cụ thể số 91.22/2023/19581267/HĐTD ngày 19/03/2024. Trường hợp trong các hợp đồng tín dụng trên các bên thỏa thuận về việc điều chỉnh lãi suất cho vay theo từng thời kỳ của Ngân hàng cho vay, thì lãi suất khách hàng vay phải tiếp tục thanh toán cho Ngân hàng cho vay theo quyết định của Tòa án cũng sẽ được điều chỉnh phù hợp với sự điều chỉnh lãi suất của Ngân hàng cho vay.

Tiếp tục duy trì Hợp đồng thế chấp Quyền sử dụng đất số 83/2023/19581267/HĐBĐ ngày 20/03/2023 giữa **Ngân hàng TMCP Đ (B)** và ông **Trần Đình D1**, bà **Trần Thị T1** đối với đất và tài sản gắn liền với đất diện tích 35.267 m² thuộc các thửa đất số 313, 158, 307, 157, 312, 126, 178, 104 tờ bản đồ số 17 tại **xã Đ, Thành phố B, tỉnh Lâm Đồng** theo các Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Đ 095568 do **U** cấp ngày 03/03/2004, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AG 306508 do **U** cấp ngày 20/11/2006, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số Q 499882 do **U** cấp ngày 11/12/2002, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 118542 do **U** cấp ngày 25/11/2008, Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AO 118584 do **U** cấp ngày 25/11/2008 cho ông **Trần Đình D1** và bà **Trần Thị T1**. Trường hợp **Công ty TNHH H1** không thực hiện nghĩa vụ trả nợ thì **Ngân hàng TMCP Đ (B)** được quyền yêu cầu cơ quan có thẩm quyền xử lý tài sản bảo đảm theo quy định pháp luật để thu hồi nợ.

Về chi phí tố tụng: **Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B)** tự nguyện chịu số tiền chi phí xem xét, thẩm định tại chỗ là 1.000.000đ (một triệu đồng). Ngân hàng đã nộp đủ.

Về án phí: Các đương sự thỏa thuận Công ty TNHH HI chịu toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 61.695.687 đồng (sáu mươi một triệu sáu trăm chín mươi lăm nghìn sáu trăm tám mươi bảy đồng).

Hoàn trả lại cho Ngân hàng Thương mại cổ phần Đ (B) số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 62.582.000 đồng (sáu mươi hai triệu năm trăm tám mươi hai nghìn đồng) theo biên lai số 0006468 ngày 02/07/2024 của Chi cục thi hành án dân sự thành phố Bảo Lộc.

3/ Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4/ Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, Điều 7, Điều 7a, Điều 7b và Điều 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Lâm Đồng (2);
- VKSND TP. Bảo Lộc (1);
- Chi cục Thi hành án TP. Bảo Lộc (1);
- Các đương sự(2);
- Lưu hồ sơ(3).

THẨM PHÁN

Trần Thị Qui